TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 574/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Nở

2/ Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Tuyết P, sinh năm 1990.
Quốc tịch: Việt Nam.
Thường trú: 73/16 Đường A, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 5895 O Street Vancouver, B.C., V5R 4R4.

Bị đơn: Ông Cao Đăng K, sinh năm 1990.
Thường trú: 50/34 Đường C, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 113/10 TC, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh
(Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2020, bản tự khai đề ngày 02/01/2020 đã được chứng thực chữ ký tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vancouver – Canada ngày 02/01/2010 của nguyên đơn bà Phan Tuyết P trình bày:

Bà và ông Cao Đăng K đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2015. Trong quá trình hôn nhân, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung, không có sự cảm thông, chia sẻ. Sau một thời gian cố gắng từ vợ lẫn chồng thì mối quan hệ cũng không được cải thiện, vợ chồng chung sống vẫn không được hạnh phúc. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức không thể tiếp tục duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chấp thuận cho bà được ly hôn với ông Cao Đăng K.

Con chung: Bà Phan Tuyết P khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2020 ông Cao Đăng K trình bày:

Ông và bà Phan Tuyết P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2015. Trong quá trình hôn nhân vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc cho đến tháng 10/2017 thì bà P đi du học Canada, ông bà chỉ liên hệ với nhau qua điện thoại, đến tháng 12/2019 ông bà phát sinh mâu thuẫn vì lý do bất đồng quan điểm, không thông cảm với những quyết định cá nhân của đôi bên. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng đến mức không thể tiếp tục duy trì và hòa giải nên với yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Tuyết P ông đồng ý. Kính mong Tòa án xem xét và giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Cao Đăng K khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 02/01/2020, nguyên đơn bà Phan Tuyết P có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành tố tụng, hòa giải, xét xử vắng mặt, đơn của bà đã được đã được chứng thực chữ ký tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vancouver – Canada ngày 02/01/2020 vì lý do hiện bà đang ở nước ngoài không có điều kiện về Việt Nam tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án được.

Ngày 28/4/2020, bị đơn ông Cao Đăng K có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công tác xa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, nguyên đơn bà Phan Tuyết P đang cư trú hợp pháp tại Canada thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét bà Phan Tuyết P và ông Cao Đăng K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét

xử vắng mặt bà Phan Tuyết P, ông Cao Đăng K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Tuyết P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giấy chứng nhận kết hôn số 175 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2015 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Phan Tuyết P và ông Cao Đăng K là hôn nhân hợp pháp.

Tại các bản tự khai ngày 02/01/2020, 28/4/2020, bà Phan Tuyết P và ông Cao Đăng K đều thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông chia sẻ, đã cố gắng cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng vợ chồng chung sống vẫn không hạnh phúc. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà Phượng và ông Khoa, mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, bà Phượng và ông Khoa có lời khai đồng ý ly hôn nhưng ông Khoa và bà Phượng đều không tham gia phiên họp hòa giải cũng như phiên tòa nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bà Phan Tuyết P được ly hôn với ông Cao Đăng K.

Con chung: Bà Phan Tuyết P và ông Cao Đăng K khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phan Tuyết P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Tuyết P.

Quan hệ hôn nhân: Bà Phan Tuyết P được ly hôn với ông Cao Đăng K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2015 cấp cho bà Phan Tuyết P và ông Cao Đăng K không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Tuyết P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045668 ngày 18/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Cao Đăng K nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Phan Tuyết P thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nở **Lê Thị Nhung** **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**



Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nở **Lê Thị Nhung** **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**



Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung An **Lê Thị Nhanh** **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**